

NGUYÊN TẮC CỦA PHÁP LUẬT PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ GỢI MỞ XÂY DỰNG LUẬT PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ BÌNH *

Tóm tắt: Bài viết phân tích các nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật phát triển năng lượng sạch, bao gồm: nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền, nguyên tắc người hưởng thụ phải trả tiền, nguyên tắc phát triển bền vững, nguyên tắc kích thích lợi ích kinh tế, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc sử dụng nguồn tài chính tập trung. Bài viết cũng đưa ra quan điểm xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam, gợi mở kết cấu, nội dung chính của văn bản luật này.

Từ khoá: Năng lượng sạch; nguyên tắc; pháp luật; phát triển

Nhận bài: 13/6/2018

Hoàn thành biên tập: 12/6/2019

Duyệt đăng: 20/6/2019

PRINCIPLES OF THE LAW ON CLEAN ENERGY DEVELOPMENT AND SUGGESTIONS FOR DEVELOPING A LAW ON CLEAN ENERGY DEVELOPMENT IN VIETNAM

Abstract: The paper analyses the principles for guiding the development, improvement and enforcement of the law on clean energy development, including: the polluter pays principle, the beneficiary pays principle, the principle of sustainable development, the principle of stimulating economic benefits, the principle of fairness and the principle of centralised use of financial resources. The paper also offers viewpoints on developing a Law on clean energy development in Vietnam and suggests the structure and main contents of this Law.

Keywords: Clean energy; principle; law; development

Received: June 13th, 2018; Editing completed: June 12th, 2019; Accepted for publication: June 20th, 2019

Phát triển năng lượng sạch trở thành xu hướng tất yếu trong bối cảnh nguồn cung năng lượng ngày càng khan hiếm và việc khai thác, sản xuất sử dụng năng lượng truyền thống (chủ yếu là năng lượng hoá thạch) gây tác động tiêu cực tới môi trường. Việt Nam được đánh giá là quốc gia có tiềm năng về năng lượng sạch.⁽¹⁾ Vì vậy, xu

hướng tất yếu trong tương lai là Việt Nam mở rộng khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch. Việc xây dựng một hành lang pháp lý đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình phát triển năng lượng sạch là cần thiết. Việt Nam cần tiến tới xây dựng và ban hành Luật phát triển năng lượng sạch. Quá trình nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện văn bản Luật này chịu sự chi phối của những nguyên tắc nhất định.

* Giảng viên, Trường đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội

E-mail: ntbinh@hunre.edu.vn

(1). Tờ trình số 128/TTr-CP ngày 19/8/2009 của Chính phủ gửi Quốc hội về Dự án Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Dự thảo thông tư liên tịch quy định cơ chế xây dựng và điều chỉnh giá bán

điện theo thị trường (Bộ công thương chủ trì).

- World Bank, Australian Government, *Winds of change: East Asia's sustainable energy future*, Washington, 2010, DC 20433 USD.

Trong bài viết này, khái niệm năng lượng sạch được hiểu là nguồn năng lượng tái tạo được và việc sản xuất, sử dụng chúng thân thiện với môi trường, tiết kiệm chi phí.⁽²⁾ Pháp luật phát triển năng lượng sạch được hiểu là tổng hợp các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các chủ thể thực hiện các hoạt động khác nhau nhằm khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch hoặc kích thích việc khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch hiệu quả mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

1. Các nguyên tắc của pháp luật phát triển năng lượng sạch

Nguyên tắc của pháp luật phát triển năng lượng sạch là những tư tưởng chính trị, pháp lý chỉ đạo chi phối một cách toàn diện các quan hệ pháp luật phát sinh trong quá trình phát triển năng lượng sạch. Theo đó, những quy phạm pháp luật về phát triển năng lượng sạch được ban hành và thực thi trong thực tiễn phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản sau:

1.1. Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền

Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền (Polluter Pays Principle - PPP) ngày càng được thừa nhận và sử dụng rộng rãi trong quản lý môi trường ở các quốc gia trên thế giới.⁽³⁾ Ở Việt Nam, nguyên tắc này cũng được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm và trở

thành nguyên tắc không thể thiếu trong pháp luật bảo vệ môi trường.⁽⁴⁾ Cơ sở xác lập nguyên tắc này là coi môi trường là một loại hàng hoá đặc biệt, tức là người gây hậu quả, tác động xấu đến môi trường thì phải trả tiền (mua quyền khai thác, sử dụng môi trường). Người phải trả tiền theo nguyên tắc này là người gây ô nhiễm hiểu theo nghĩa rộng bao gồm: người khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; người có hành vi xả thải vào môi trường; người có những hành vi khác gây tác động xấu tới môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định một hành vi gây ô nhiễm có phải trả tiền hay không và mức chi trả như thế nào là phù hợp.⁽⁵⁾ Cũng cần lưu ý rằng, ngoài số tiền, mức tài chính mà người gây ô nhiễm phải chi để thực hiện việc phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, họ còn phải gánh chịu các trách nhiệm khác như trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỉ luật nhà nước.

Mục đích của nguyên tắc này gồm: định hướng hành vi tác động của các chủ thể vào môi trường theo hướng khuyến khích những hành vi tác động có lợi cho môi trường thông qua việc tác động vào chính lợi ích kinh tế của họ; bảo đảm sự công bằng trong hưởng dụng và bảo vệ môi trường (điều này cũng có nghĩa là ai gây ô nhiễm nhiều trả tiền nhiều, ai gây ô nhiễm ít trả tiền ít, ai không

(2). Nguyễn Thị Bình, “Bàn về khái niệm năng lượng sạch”, *Tạp chí pháp luật và phát triển*, số 9+10/2017, tr. 31 - 35.

(3). Nguyên tắc này do Tổ chức hợp tác kinh tế và phát triển (Organization for Economic Cooperation and Development - OECD) soạn thảo năm 1972.

(4). Doãn Hồng Nhung (chủ biên), *Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.

(5). Lê Thị Kim Oanh, “Bàn về áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền trong chính sách môi trường”, *Tạp chí khoa học và công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 4(39)/2010.

gây ô nhiễm thì không trả tiền); tạo nguồn kinh phí cho hoạt động bảo vệ môi trường (thu ngân sách).

Ý nghĩa của việc áp dụng nguyên tắc này trong xây dựng và thực thi pháp luật phát triển năng lượng sạch thể hiện ở việc ban hành các quy định về: loại bỏ chính sách ưu đãi đối với năng lượng hoá thạch; đánh thuế, phí hoặc lợi ích kinh tế khác đối với việc sản xuất, buôn bán, sử dụng năng lượng hoá thạch. Tiền thu được sẽ sử dụng vào việc hỗ trợ phát triển năng lượng sạch và hoạt động bảo vệ môi trường khác. Với các quy định như vậy sẽ tạo điều kiện thu hẹp dần việc khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng hoá thạch, đồng thời mở rộng, phát triển sản xuất, sử dụng năng lượng sạch.

1.2. Nguyên tắc người hưởng thụ phải trả tiền

Nguyên tắc người hưởng thụ phải trả tiền (Beneficiary Pay Principle - BPP) được xác lập trên cơ sở xác định trách nhiệm cho người được hưởng một môi trường trong lành. Theo đó, họ phải trả một khoản phí cho việc thụ hưởng môi trường không ô nhiễm. Nguyên tắc này ngày càng được công chúng thừa nhận và ủng hộ. Bởi vì, khi thực hiện nguyên tắc sẽ tạo ra một khoản thu đáng kể. Đến thời điểm mức phí thu được theo nguyên tắc này đủ dành cho các mục tiêu môi trường thì đây được coi là chính sách hiệu quả trong quản lý môi trường. Tuy nhiên, khi áp dụng nguyên tắc người hưởng thụ phải trả tiền phải linh hoạt bởi vì bản chất nguyên tắc chưa đáp ứng được tính công bằng về kinh tế. Vì các nhà kinh doanh sử dụng các nguồn lợi môi trường để sản

xuất ra hàng hoá, dịch vụ nhưng người khác phải chịu chi phí đó.

Việc áp dụng nguyên tắc này sẽ được thực hiện ở giai đoạn sau khi hoạt động khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch đã đi vào ổn định. Bởi vì, ở thời điểm hiện tại, nếu nguyên tắc này được áp dụng có thể mục đích kích thích phát triển khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch sẽ không đạt được khi lĩnh vực này còn quá mới và tồn tại nhiều khó khăn.

1.3. Nguyên tắc phát triển bền vững

Hiểu một cách khái quát, phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn thương khả năng của các thế hệ tương lai trong việc thoả mãn các nhu cầu của chính họ. Phát triển bền vững là phối hợp một cách hài hoà ba mặt: tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và các giá trị khác (công bằng xã hội, chính trị, văn hoá,...).⁽⁶⁾ Ở Việt Nam, phát triển bền vững cũng trở thành nguyên tắc quan trọng của pháp luật bảo vệ môi trường.⁽⁷⁾

Dưới góc độ pháp lý hiện nay: “*Phát triển bền vững là phát triển để đáp ứng các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường*”.⁽⁸⁾

(6). Bùi Đức Hiền, “Chính sách, pháp luật môi trường bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội Đảng XI”, *Tạp chí luật học*, số 8/2013, tr. 20 - 26.

(7). Võ Trung Tín, “Các nguyên tắc cơ bản của Luật môi trường”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 8/2009.

(8). Khoản 4 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

Nguyên tắc này được xác lập trên cơ sở nhận thức được tầm quan trọng của cả môi trường và phát triển đối với sự sống của loài người. Sự sinh tồn của con người cần cả điều kiện kinh tế và môi trường trong lành. Hơn nữa, giữa môi trường và phát triển có sự tác động tương hỗ, qua lại lẫn nhau. Thừa nhận nguyên tắc này để tránh các xu hướng cực đoan: muốn bảo vệ môi trường phải dừng việc phát triển, quá coi trọng về môi trường mà bỏ qua lợi ích về kinh tế hoặc phát triển kinh tế bằng mọi giá, xem nhẹ lợi ích về môi trường.

Nguyên tắc này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quản lý môi trường nói chung và phát triển năng lượng sạch nói riêng. Ngày nay, khi nói tới sự phát triển của một ngành, lĩnh vực kinh tế nào đó, người ta luôn nhắc tới khái niệm phát triển bền vững. Việc phát triển năng lượng sạch cũng không nằm ngoài quy luật khách quan này. Trong xây dựng và thực thi pháp luật phát triển năng lượng sạch cần cân nhắc những nội dung sau:

- Đối với năng lượng sạch thuộc dạng vô tận như năng lượng mặt trời, năng lượng gió... thì khai thác triệt để, khuyến khích khai thác.

- Đối với năng lượng sạch thuộc dạng có thể tái tạo được như năng lượng sinh khối thì khai thác trong chừng mực có thể phục hồi.

- Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, sử dụng các loại năng lượng trên có thể phát sinh chất thải hoặc chi phí cho việc khai thác lớn. Điều đó dẫn tới việc phải tính toán tới công nghệ khai thác đảm bảo được cả hai tiêu chí: tiết kiệm chi phí và thân thiện với môi trường.

- Việc khai thác, sử dụng phải tránh được tất cả các xu hướng sau: *Một là* công nghệ khai thác, sử dụng năng lượng sạch rẻ nhưng gây tác động xấu tới môi trường; *hai là* công nghệ khai thác, sử dụng năng lượng sạch thân thiện với môi trường nhưng chi phí lớn; *ba là* việc khai thác, sử dụng năng lượng giảm thiểu tác động môi trường ở mặt này nhưng lại gây tác động xấu tới môi trường ở mặt khác (như nhiều tuabin gió mà các quốc gia đã từng sử dụng gây tiếng ồn lớn và làm gãy cánh của các loài chim, đôi khi chúng bay lại gần).

Nguyên tắc này cũng giúp chúng ta áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền một cách mềm dẻo. Coi trọng phát triển năng lượng sạch để bảo vệ môi trường nhưng không thể thu hẹp đột ngột ngành công nghiệp khai thác, sản xuất năng lượng hoá thạch truyền thống. Bởi thực tế hiện nay chưa có nguồn năng lượng nào thay thế được vị trí của năng lượng hoá thạch (đặc biệt là dầu khí, than đá...) đối với sự phát triển kinh tế-xã hội.

1.4. Nguyên tắc kích thích lợi ích kinh tế

Cơ sở xác lập nguyên tắc này xuất phát từ thực tế không thể phủ nhận là lợi ích, đặc biệt lợi ích kinh tế là động lực thúc đẩy con người tiến hành các hoạt động kinh tế-xã hội. Con người tồn tại và phát triển được khi các nhu cầu của họ được đáp ứng. Nhu cầu và lợi ích có mối quan hệ tương hỗ và mật thiết. Trong các loại lợi ích mà con người cần (lợi ích kinh tế, lợi ích tinh thần, lợi ích chính trị-xã hội...) thì lợi ích kinh tế giữ vai trò quan trọng nhất, quyết định nhất vì lợi ích này gắn liền với nhu cầu vật chất. Khi lợi ích kinh tế đầy đủ thì con người sẽ có nhu cầu về các lợi ích khác. Như vậy, có thể nói lợi ích kinh tế là động lực phát triển của các

hoạt động kinh tế-xã hội.

Nội dung của nguyên tắc này là sử dụng lợi ích kinh tế để kích thích con người tiến hành các hoạt động có lợi cho môi trường. Nguyên tắc này được các quốc gia trên thế giới sử dụng rộng rãi và hiệu quả trong quản lý môi trường. Kích thích lợi ích kinh tế sẽ tăng tính chủ động, sáng tạo của các chủ thể trong bảo vệ môi trường.

Trong xây dựng và thực thi pháp luật phát triển năng lượng sạch cần chú trọng tới nguyên tắc này. Đặc biệt ở giai đoạn hiện nay khi lĩnh vực phát triển năng lượng sạch là lĩnh vực đầu tư mới mẻ, chi phí đầu tư lớn, hiệu quả đầu tư chưa nhận thấy rõ ràng... thì việc sử dụng lợi ích kinh tế để kích thích các chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch cần được chú trọng. Theo kinh nghiệm của các quốc gia đi trước trong phát triển năng lượng sạch, các biện pháp nhằm kích thích lợi ích kinh tế trong phát triển năng lượng sạch gồm: ưu đãi về vốn đầu tư, thuế, phí; ưu đãi về hạ tầng đất đai; ưu đãi thị trường đầu ra... Các nhà nghiên cứu đều khẳng định nội dung ưu đãi tài chính, kinh tế là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của pháp luật phát triển năng lượng sạch.⁽⁹⁾

1.5. Nguyên tắc công bằng

Thứ nhất, nguyên tắc công bằng xuất

phát từ việc chúng ta nhận thức và xác định phát triển năng lượng sạch là lĩnh vực đầu tư có thể thu hút các nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế. Vì thế, để đảm bảo sự phát triển cân đối của nền kinh tế, pháp luật phải đảm bảo tính công bằng giữa các lĩnh vực đầu tư khác nhau. Tính công bằng được thể hiện trong nội dung các quy phạm pháp luật về ưu đãi, hỗ trợ phát triển năng lượng sạch (ưu đãi vốn, thuế, phí; ưu đãi hạ tầng đất đai; ưu đãi thị trường đầu ra) phải áp dụng cho các cơ sở khai thác, sản xuất năng lượng sạch thuộc mọi thành phần kinh tế.

Thứ hai, pháp luật phát triển năng lượng sạch cũng phải đảm bảo sự công bằng giữa những chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng các loại năng lượng sạch khác nhau. Vì năng lượng sạch có nhiều loại (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng sinh học, năng lượng địa nhiệt...), mỗi loại năng lượng sạch lại có thể sản xuất, sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau.

1.6. Nguyên tắc sử dụng nguồn tài chính tập trung

Hoạt động phát triển năng lượng sạch cần sự hỗ trợ của các nguồn tài chính tập trung như ngân sách nhà nước, Quỹ bảo vệ môi trường hoặc những loại quỹ khác. Cụ thể, theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, một trong những nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương là chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường.⁽¹⁰⁾ Tương tự, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 cũng xác định một trong những nguồn lực cho hoạt động bảo vệ môi trường là ngân sách nhà nước.⁽¹¹⁾ Khi sử dụng ngân

(9). - Phạm Thị Mai Trang, *Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế và vai trò của pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội, ngày 15/10/2018, tr. 115 - 130.

- Phan Duy An, *Pháp luật về các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.

(10). Điều 36 Luật ngân sách nhà nước năm 2015.

(11). Điều 147 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

sách nhà nước cho hoạt động bảo vệ môi trường nói chung, phát triển năng lượng sạch nói riêng phải tuân thủ chế độ hạch toán, kế toán, nguyên tắc sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Đối với Quỹ bảo vệ môi trường hoặc các loại quỹ khác, ngoài việc tuân thủ chế độ kế toán, quyết toán, chứng từ theo quy định của pháp luật còn phải tuân thủ điều lệ hoạt động riêng của Quỹ. Khi hỗ trợ tài chính từ các các nguồn tập trung cho các chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch cần phải quan tâm tới các vấn đề sau đây:

- Đảm bảo mọi hoạt động khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch đều được hưởng ưu đãi, hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính tập trung khác không phân biệt nhà đầu tư, không phân biệt quy mô của dự án.

- Đảm bảo những dự án phát triển năng lượng sạch triển khai ở những khu vực khó khăn như vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được ngân sách nhà nước, các nguồn tài chính tập trung khác ưu tiên hỗ trợ nhiều hơn.

- Đảm bảo các hoạt động khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tài chính từ các nguồn với bản chất khác nhau. Tránh thành lập nhiều nguồn tài chính tập trung có cùng bản chất để hỗ trợ cho phát triển năng lượng sạch.

2. Gợi mở xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch ở Việt Nam hiện nay

Trên cơ sở những nguyên tắc vừa phân tích nêu trên, Việt Nam cần xây dựng và ban hành Luật phát triển năng lượng sạch. Quá trình xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch có thể tiếp cận theo một trong hai hướng như sau: *Một là* đưa nội dung về phát

triển năng lượng sạch trở thành một bộ phận của Luật bảo vệ môi trường; *Hai là* xây dựng một văn bản luật chuyên biệt về phát triển năng lượng sạch. Việt Nam nên tiếp cận theo hướng thứ hai, tức cần xây dựng một văn bản luật chuyên biệt về phát triển năng lượng sạch. Bởi lẽ, phát triển năng lượng sạch không chỉ hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường mà còn hướng tới cả mục tiêu phát triển kinh tế. Hơn nữa, việc triển khai các dự án phát triển năng lượng sạch thu hút các nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế khác nhau. Quá trình triển khai, vận hành các dự án phát triển năng lượng sạch chịu sự điều chỉnh của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về thuế, pháp luật về khoa học công nghệ, pháp luật về điện lực, pháp luật về thương mại... Vì thế, nếu để nội dung về phát triển năng lượng sạch trở thành một chương của Luật bảo vệ môi trường thì không phù hợp.

Khi xây dựng Luật phát triển năng lượng sạch là một văn bản luật chuyên biệt thì văn bản này có những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất, về tên của Luật, nhằm phát triển năng lượng sạch, nhiều quốc gia trên thế giới đã ban hành nhiều đạo luật với tên gọi khác nhau. Những tên gọi phổ biến nhất là: Luật năng lượng tái tạo, Luật năng lượng sạch... Ở Việt Nam nên đặt tên luật là Luật phát triển năng lượng sạch. Sở dĩ đề xuất tên gọi như vậy vì: *Một là* tên gọi này thể hiện nhận thức của Việt Nam về xu hướng chung trên thế giới là thúc đẩy khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch; *hai là* tên gọi này thể hiện nội hàm của Luật không chỉ phát triển năng lượng tái tạo mà còn phát

triển công nghệ khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo đảm bảo tiêu chí thân thiện với môi trường và tiết kiệm chi phí; *Ba* là tên gọi này xác định nội dung của pháp luật phát triển năng lượng sạch là các quy định kích thích việc khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch và mang lại lợi ích cho toàn xã hội.

Thứ hai, Luật phát triển năng lượng sạch có phạm vi điều chỉnh là các hoạt động trực tiếp khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch và các hoạt động kích thích khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch; chính sách, biện pháp hỗ trợ, khuyến khích của Nhà nước cho khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch; vị trí, vai trò của các bên trong phát triển năng lượng sạch gồm: cơ quan quản lý nhà nước, chủ thể khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng. Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, chủ thể khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, cộng đồng dân cư trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.⁽¹²⁾

Thứ ba, Luật phát triển năng lượng sạch cần đưa ra khái niệm năng lượng tái tạo và khái niệm năng lượng sạch. Theo đó, khái niệm năng lượng tái tạo có thể được định nghĩa theo phương pháp liệt kê như hiện nay: “*Năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác*”.⁽¹³⁾ Tuy nhiên, khái niệm năng lượng sạch cần định nghĩa theo hướng

khái quát hoá, nhấn mạnh vào các đặc tính cơ bản của năng lượng sạch đó là dạng năng lượng có thể tái tạo được; thân thiện với môi trường; việc khai thác, sản xuất tiết kiệm chi phí và được sử dụng rộng rãi trong sản xuất, sinh hoạt. Luật phát triển năng lượng sạch cũng phải xác định khoa học công nghệ có vai trò rất quan trọng trong khai thác, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch.

Thứ tư, Luật phát triển năng lượng sạch cần quy định rõ về quy hoạch phát triển năng lượng sạch cấp quốc gia và quy hoạch phát triển năng lượng sạch cấp tỉnh với các nội dung cơ bản sau: chủ thể lập, thẩm định, phê duyệt; nội dung cơ bản của bản quy hoạch; thời gian, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt; hồ sơ xin thẩm định, phê duyệt; mối quan hệ giữa quy hoạch phát triển năng lượng sạch quốc gia và quy hoạch phát triển năng lượng sạch cấp tỉnh; sửa đổi, bổ sung quy hoạch phát triển năng lượng sạch. Trên cơ sở quy định chung, mỗi loại năng lượng sạch khác nhau được lập quy hoạch phát triển riêng.

Thứ năm, Luật phát triển năng lượng sạch cần quy định rõ các biện pháp hỗ trợ, ưu đãi nhằm phát triển năng lượng sạch. Các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đó bao gồm: ưu đãi về vốn, thuế, phí; ưu đãi về hạ tầng đất đai; trợ giá đối với sản phẩm; hỗ trợ nối lưới cho các dự án sản xuất điện từ năng lượng sạch; hỗ trợ tài chính trực tiếp cho hoạt động khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch quy mô nhỏ mang tính chất tiêu dùng.

Thứ sáu, Luật phát triển năng lượng sạch cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong phát triển năng lượng sạch. Cụ thể: *Một là* quy định trách nhiệm xây dựng

(12). Điều 1 Hiến pháp năm 2013.

(13). Điều 43 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng sạch; *hai là* quy định trách nhiệm trong tiến hành điều tra, đánh giá tiềm năng năng lượng sạch và lập quy hoạch phát triển năng lượng sạch; *ba là* quy định trách nhiệm trong việc xây dựng, ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ khai thác, sản xuất, sử dụng năng lượng sạch; *bốn là* quy định trách nhiệm triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với phát triển năng lượng sạch; *năm là* quy định trách nhiệm lập biểu giá chi phí tránh được cho các dự án điện được sản xuất từ năng lượng sạch; *sáu là* quy định trách nhiệm mua điện được sản xuất từ năng lượng sạch; *bảy là* quy định trách nhiệm giải phóng mặt bằng, giao đất cho các chủ đầu tư triển khai dự án phát triển năng lượng sạch...

Thứ bảy, Luật phát triển năng lượng sạch cần quy định rõ sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quá trình phát triển năng lượng sạch. Cộng đồng dân cư tham gia với tư cách là người giám sát việc xây dựng và thực thi các chính sách, quy định pháp luật về phát triển năng lượng sạch. Đặc biệt, Luật cần quy định rõ, việc triển khai các dự án phát triển năng lượng sạch bắt buộc phải được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư. Chủ dự án đầu tư khi lập hồ sơ xin phép đầu tư phải lấy ý kiến của cộng đồng dân cư lân cận. Điều này xuất phát từ thực tế việc xây dựng, vận hành dự án khai thác, sản xuất năng lượng sạch có thể gây ra các tác động tiêu cực về môi trường sống, kế sinh nhai của dân cư do chất thải (nước thải, khí thải, bùn thải...), tiếng ồn, độ rung từ dự án, do đất sản xuất bị thu hồi và người dân phải di dời khỏi nơi sinh sống và sản xuất quen thuộc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Duy An, *Pháp luật về các biện pháp khuyến khích, hỗ trợ phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, 2010.
2. Nguyễn Thị Bình, “Bàn về khái niệm năng lượng sạch”, *Tạp chí pháp luật và phát triển*, số 9+10/2017.
3. Bùi Đức Hiền, “Chính sách, pháp luật môi trường bảo đảm phát triển bền vững ở Việt Nam trong Văn kiện Đại hội Đảng XI”, *Tạp chí luật học*, số 8/2013.
4. Doãn Hồng Nhung (chủ biên), *Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, 2018.
5. Lê Thị Kim Oanh, “Bàn về áp dụng nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền trong chính sách môi trường”, *Tạp chí khoa học và công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 4(39)/2010.
6. Võ Trung Tín, “Các nguyên tắc cơ bản của Luật môi trường”, *Tạp chí nhà nước và pháp luật*, số 8/2009.
7. Phạm Thị Mai Trang, *Phát triển năng lượng tái tạo ở Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo vệ môi trường để phát triển kinh tế và vai trò của pháp luật, Trường Đại học Luật Hà Nội, ngày 15/10/2018.
8. World Bank, Australian Government, *Winds of change: East Asia's sustainable energy future*, Washington, 2010, DC 20433 USD.